

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/07/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**.

- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**;

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Quốc Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 04 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị Ngọc Y**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: ấp Minh H, xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Y có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Danh M**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp Minh H, xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Anh M vắng mặt phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/04/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thị Ngọc Y trình bày: Vào năm 2012 chị và chồng chị anh Danh M có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật tại UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận số 101 ngày 25/04/2012. Qua thời gian chung sống chị và anh M có với nhau 02 người con chung tên Danh Duy Khánh, sinh ngày 12/02/2013 và Thị Khánh Nh, sinh ngày 10/09/2018 hiện nay đang sống cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa chị và anh M không hiểu nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không giải quyết được dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây lộn trong gia đình. Nhận thấy không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc nên chị và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc hôn nhân không thể nếu kéo nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh M để giải thoát cho nhau.

Tại phiên tòa, chị Thị Ngọc Yến yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với anh Danh M.

- *Về việc nuôi con chung:* Xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Danh Duy Kh, sinh ngày 12/02/2013 và Thị Khánh Nh, sinh ngày 10/09/2018 hiện đang sống cùng chị, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con vì chị có điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Danh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng M điều không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Ngọc Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Thị Ngọc Y khởi kiện “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” với anh Danh M và hiện nay bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp M Hung, xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Danh M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 theo quy định pháp luật nhưng anh M vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Ngọc Y và anh Danh M xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận số 101 ngày 25 tháng 04 năm 2012 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Yến nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Thực tế chị Yến và anh Danh Minh đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Đối với anh Minh, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng để anh Minh biết và mời anh lên làm việc nhưng anh Minh vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án điều này thể hiện anh Minh không muốn hòa giải cũng như không muốn hàn gắn để được đoàn tụ với chị Ngọc Yến. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Yến và anh Minh đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Yến vẫn cương quyết ly hôn với anh Minh để ổn định cuộc sống. Do vậy, yêu cầu của chị Yến xin ly hôn với anh Minh là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Y xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có với nhau 02 người con chung tên Danh Duy Kh, sinh ngày 12/02/2013 và Thị Khánh Nh, sinh ngày 10/09/2018 hiện đang sống cùng chị và tại phiên tòa chị Yến được yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay con do chị Yến chăm sóc nuôi dưỡng, và tại biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng ngày 12/05/2023 cháu Danh Duy H có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Thị Khánh Nh còn nhỏ nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao hai cháu cho chị Thị Ngọc Y tiếp tục giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Thị Ngọc Yến về quyền yêu cầu anh Danh Minh cấp dưỡng nuôi hai con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Yến xác định không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con vì chị cho rằng chị có điều kiện và việc chị Yến không yêu cầu anh Minh phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Minh đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Minh vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Yến và anh Minh được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Yến xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì anh chị đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[2.5] Về nợ chung: Chị Thị Ngọc Yến xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Thị Ngọc Yến là nguyên đơn do đó phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Ngọc Y về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Danh M.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị Ngọc Y và anh Danh M.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Danh Duy Kh, sinh ngày 12/02/2013 (theo nguyện vọng của con) và Thị Khánh Nhung, sinh ngày 10/09/2018 hiện đang sống cùng chị Yến, cho chị Yến tiếp tục giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thị Ngọc Yến xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Thị Ngọc Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng chị Yến đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005498, ngày 04 tháng 04 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

Danh Pi Sách

Nơi nhận:

- *TAND Tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS Huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

- *Luu.*

Danh Pì Sách